

Số: /KH-UBND

Tây Mỗ, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn phường Tây Mỗ năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026. Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về Chuyển đổi số thành phố Hà Nội. Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 18/3/2026 của UBND phường Tây Mỗ về Cải cách hành chính Nhà nước năm 2026 trên địa bàn phường Tây Mỗ. Ủy ban nhân dân (UBND) phường Tây Mỗ xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số phường Tây Mỗ năm 2026, như sau:

I. MỤC TIÊU ĐẾN HẾT NĂM 2026

1. Chính quyền số

1.1. Lãnh đạo và điều hành

- 100% các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) – tính từ 01/10/2026.

- 100% các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của thành phố.

- 60% cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp.

- Trang thông tin điện tử phường thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- 80% cơ quan quản trị công việc theo OKR/KPI trên Không gian làm việc số (HanoiWork).

1.2. Hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu dùng chung, nhân lực số

- TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều được thực hiện 100% bằng quy trình số,

tính tại thời điểm tháng 12/2026.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/ mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

1.3. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt >98%.
- Phân đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung <5%

2. Kinh tế số

- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phân đầu đạt trên 60%.
- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu 75%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt > 85%.
- 100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.

3. Xã hội số

3.1. Định danh số, chữ ký số và năng lực giao dịch số

- Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt $\geq 95\%$; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90%. Tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cấp tài khoản định danh điện tử đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt $\geq 60\%$
- Tối thiểu 50% dịch vụ số khác được xác thực bằng VNeID (ngoài thủ tục hành chính đã yêu cầu bắt buộc) và tích hợp iHanoi.

3.2. Mức độ sử dụng dịch vụ số, tương tác số và tham gia xã hội số

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 100%.
- Tối thiểu 90% giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 45\%$.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số đạt $\geq 90\%$.
- $\geq 75\%$ giao dịch dịch vụ dân sinh thiết yếu (điện, nước, học phí, viện phí, giao thông công cộng) được thực hiện trên môi trường số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi đạt $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hàng tháng đạt $\geq 60\%$ (tính tại thời điểm tháng 11,12/2026)
- 100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi, được xử lý đúng hạn, và công bố công khai trên iHanoi.
- 100% các tổ dân phố hình thành cộng đồng trên iHanoi.
- $\geq 70\%$ thông báo chính thức của Thành phố đề phổ biến đến người dân được thực hiện qua iHanoi.

3.3. Năng lực số, thu hẹp khoảng cách số và an toàn số

- Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (Nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân....) đạt $> 70\%$
- Tối thiểu 50% tổ dân phố triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.
- 100% hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ Tiểu học đến Trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành về chuyển đổi số, thực hiện hiện nghiêm túc các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương và của Thành phố. Phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong

công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số thông qua các ứng dụng, hệ thống thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về chuyển đổi số.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2. Thể chế số

- Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện các nội dung để cụ thể hóa các văn bản của cấp trên.

- Ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng như trạm BTS, trạm vệ tinh mặt đất phục vụ kết nối vệ tinh với mạng internet hoặc mạng viễn thông mặt đất.

- Cơ chế chính sách về mô hình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực, ngành trọng điểm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

3. Hạ tầng số

- Tập trung triển khai phát triển hạ tầng số trong năm 2026. Chú trọng nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, xóa các vùng lõm sóng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có một đường internet cáp quang băng rộng.

- Rà soát, nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng máy tính, trang thiết bị CNTT của phường bảo đảm điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Vận hành hệ thống một cửa điện tử liên thông, triển khai các ứng dụng chuyên ngành, số hóa, cập nhật dữ liệu điện tử; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Thành phố, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật xây dựng Chính quyền điện tử, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

4. Nhân lực số

- Triển khai bình dân học vụ số, tiếp tục tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức phường, chú trọng bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu; kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về quản trị hệ thống, an toàn thông tin... cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin.

5. Dữ liệu số

- Tổ chức khai thác hiệu quả Cổng dữ liệu mở của Thành phố Hà Nội, các nền tảng dữ liệu dùng chung kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành trên địa bàn Thành phố và tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, khai thác dữ liệu.

- Phối hợp xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Phối hợp thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; khởi tạo dữ liệu, khởi tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai sử dụng và khai thác kho liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. theo quy định phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu đến người dân, doanh nghiệp.

6. An toàn thông tin mạng

- Duy trì và triển khai đồng bộ mô hình bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp, gồm: lực lượng tại chỗ chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, giám sát và xử lý ban đầu khi xảy ra sự cố; đội ngũ giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp thực hiện giám sát, cảnh báo an toàn thông tin 24/7; tổ chức độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm tính khách quan; đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát an toàn thông tin quốc gia để bảo đảm phối hợp, liên thông, thống nhất trong phòng ngừa, phát hiện và ứng phó sự cố an toàn, an ninh mạng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng đồng bộ, thực chất, hiệu quả; đa dạng hóa nội dung, bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức đơn vị, địa phương được tiếp cận, nắm vững và thực hiện đúng quy định; đồng thời tổ chức tập huấn, đào tạo, diễn tập nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Ưu tiên lựa chọn, sử dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ an toàn thông tin và an ninh mạng do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ, phát triển (Made in Vietnam) trong quá trình đầu tư, xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường việc tích hợp yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

ngay từ khâu thiết kế đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu xây dựng mới. Thực hiện bố trí kinh phí cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin, an ninh mạng bảo đảm hiệu quả, đúng quy định, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

- Hoàn thành việc mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ an toàn thông tin đối với 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm được giám sát, cảnh báo, phát hiện sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.

- Bảo đảm 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý, vận hành hệ thống.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14423:2025 đối với hệ thống thông tin quan trọng, góp phần nâng cao mức độ an toàn, khả năng ứng phó và phục hồi của hệ thống trước các nguy cơ tấn công mạng.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số.

7. Chính quyền số

- Triển khai các ứng dụng dùng chung: Thư điện tử; Cổng thông tin điện tử và các cổng thành phần, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử như quản lý văn bản, tài liệu điện tử, tài liệu họp, phòng họp trực tuyến, phòng họp không giấy, quản lý kế hoạch và theo dõi công việc qua mạng... bảo đảm các ứng dụng hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của phường.

- Phối hợp rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định.

- Phối hợp triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để tự động thu thập dữ liệu theo quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Phối hợp thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; Đẩy

manh ứng dụng AI trong hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính.

- Tập trung nguồn lực triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tập trung triển khai các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Xác định các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số để tập trung thúc đẩy, gắn phát triển kinh tế số với triển khai các nền tảng số quốc gia.

- Khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng tới hiệu quả. Trong đó, Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mua sắm trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

- Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế trong phường theo hướng dẫn của cấp trên, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: số cơ sở giáo dục, cơ sở y tế thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế.

- Phát triển hệ thống loa phát thanh: nâng cao đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hệ thống truyền thanh phường.

- Đẩy mạnh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động; Tăng tỷ lệ người dùng Internet, phủ sóng toàn diện vùng lõm sóng, trắng sóng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Nền tảng Công dân số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng và các tiện ích số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên báo chí, phát thanh - truyền hình, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội; tăng cường sản xuất tin, bài, chuyên mục, phóng sự phản ánh các mô hình chuyển đổi số điển hình, cách làm hay, hiệu quả tại cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, tiếp tục phát huy phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, bảo đảm người dân được hỗ trợ thường xuyên trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Tổ chức các đợt ra quân hướng dẫn người dân cài đặt các ứng dụng số, kỹ năng an toàn thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác truyền thông trực quan thông qua pano, áp phích, tờ rơi, video clip; đẩy mạnh tuyên truyền trên không gian mạng, nhất là trên các ứng dụng phổ biến như Zalo, Facebook... nhằm tiếp cận rộng rãi đến người dân.

- Phối hợp tổ chức, tham gia các sự kiện truyền thông, diễn đàn, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số; tăng cường nội dung chuyên sâu theo từng lĩnh vực: y tế số, giáo dục số, nông nghiệp số, du lịch số, kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh truyền thông về an toàn thông tin, hướng dẫn người dân nhận diện các hành vi lừa đảo trên môi trường mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dịch vụ số an toàn.

- Tăng cường đánh giá, theo dõi, thống kê kết quả công tác tuyên truyền; kịp thời điều chỉnh phương thức, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng để nâng cao hiệu quả lan tỏa.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp về việc triển khai Chính quyền số, bảo đảm cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn phường có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh tương tác trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp thông qua kênh Hệ thống tiếp nhận, giải quyết các phản ánh kiến nghị; đánh giá mức độ hài lòng của công dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ công trực tuyến.

2. Phát triển thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách thuê chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử; cơ chế, chính sách bồi dưỡng, đào tạo lại và giữ nhân lực chuyển đổi số có chất lượng.

- Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số, đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn phường (*đặc biệt là công chức, viên chức phụ*

trách công nghệ thông tin) của các cơ quan, đơn vị.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, tăng cường các giải pháp, sáng kiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

4. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Bố trí nguồn ngân sách dành cho ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số. Ưu tiên nguồn kinh phí sự nghiệp, thực hiện các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền số và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục phối hợp hiệu quả với các Tập đoàn công nghệ lớn (như: VNPT, Viettel, bưu chính, viễn thông...), các Tập đoàn đang có các sản phẩm công nghệ thông tin cung cấp cho Chính phủ và các địa phương, triển khai xây dựng các nền tảng, hệ thống thông tin mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu triển khai các nội dung. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nội dung, tiến độ, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao phường triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng/trang thông tin điện tử, mạng xã hội... để các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tập huấn, hướng dẫn cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng kiến thức về công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng

nền tảng số, khả năng tuyên truyền, phát huy vai trò và nhiệm vụ của Tổ chuyên đổi số cộng đồng hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

- Phát động phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND phường

- Tăng cường công tác chỉ đạo, khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin: Hội nghị trực tuyến; Hệ thống báo cáo thành phố.

- Triển khai tốt cơ sở hộ tịch, tập trung vào việc hiện đại hóa, số hóa và liên thông dữ liệu hộ tịch điện tử (đặc biệt là đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử) nhằm đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Phối hợp Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Tây Mỗ

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của phường đảm bảo thông suốt, đúng quy trình; đẩy mạnh tỷ lệ số hóa hồ sơ; tăng cường tỷ lệ thanh toán trực tuyến qua dịch vụ công trực tuyến.

- Là đầu mối tập trung để giám sát, theo dõi và đôn đốc quá trình giải quyết TTHC.

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị:

- Tham mưu cho UBND phường xem xét, quyết định cân đối, phân bổ nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách và các văn bản hiện hành. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

- Triển khai đăng ký và phát triển các sản phẩm OCOP, quảng bá, giới thiệu trên sàn thương mại điện tử (nếu có)

5. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao phường

- Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội... để các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông, báo chí tại

cơ quan, đơn vị.

6. Trạm Y tế phường

- Lập, cập nhật, và duy trì hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về y tế, dân số tại địa phương. Triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh (HIS), liên thông dữ liệu lên cổng Bảo hiểm xã hội; sử dụng căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VNeID trong khám chữa bệnh.

- Sử dụng nền tảng quản lý tiêm chủng vắc xin; thực hiện đơn thuốc điện tử; quản lý bệnh không lây nhiễm, bệnh truyền nhiễm qua phần mềm. Ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối, hội chẩn, tư vấn với tuyến trên, đặc biệt là các ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo tự động; tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ y tế thông minh.

7. Công an phường: Tiếp tục triển khai Đề án 06 trên địa bàn.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam phường

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên mình tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn. Tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hội viên và các tầng lớp Nhân dân biết cách sử dụng mạng xã hội; các dịch vụ thanh toán điện tử, chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân.

- Vận động các hội viên tham gia tích cực Tổ chuyển đổi số cộng đồng; tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ về chính quyền điện tử: Xây dựng các mô hình về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

9. Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn phường

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn và trực tiếp hỗ trợ người dân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn phường trong việc truy cập, đăng ký, nộp hồ sơ và theo dõi kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Làm cầu nối tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Thành phố về chuyển đổi số đến từng hộ dân. Thông qua các buổi sinh hoạt TDP, hội nghị, nhóm Zalo, Facebook cộng đồng; chủ động chia sẻ thông tin, hướng dẫn người dân cách nhận diện lợi ích của chuyển đổi số trong đời sống và sản xuất. Hướng dẫn các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện tin giả, lừa đảo trực tuyến.

(Chi tiết Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số tại Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của UBND phường Tây Mỗ, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận;

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND TTQ VN phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Công an phường;
- Trạm y tế phường;
- Các phòng, ban chuyên môn phường;
- Lưu VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC
DANH SÁCH NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH -UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Tây Mỗ

	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I	Chính quyền số				
1	Các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của thành phố	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
2	Cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp	60%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
3	Trang thông tin điện tử phường thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định	100%	Văn phòng HDN&UBND	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	
4	Cơ quan quản trị công việc theo OKR/KPI trên Không gian làm việc số (HanoiWork)	80%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
5	Tỷ lệ văn bản xử lý trên môi trường mạng của các cơ quan Nhà nước được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, bảo đảm tính pháp lý của văn bản theo quy định (trừ văn bản mật theo quy định)	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
6	TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số tính tại thời điểm tháng 12/2026	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
7	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	80%	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Tây Mỗ	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
8	Giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.	90%	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Tây Mỗ	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
9	Tỷ lệ thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế				
1	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ	> 75%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
2	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phân đầu	> 60%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử.	> 85%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
4	100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.		Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
III	Xã hội số				
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	> 95%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường; Tổ trưởng TDP	
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường; Tổ trưởng TDP	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Tập đoàn Vinaphone, Viettel	
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi	≥ 85%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị có liên quan;	
5	Phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi, được xử lý đúng hạn, và công bố công khai trên iHanoi	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị có liên quan;	
6	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	90%	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Tây Mỗ	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa	> 45%	Trạm Y tế phường	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
8	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	≥ 90%	Trạm Y tế phường	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
9	Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hằng tháng (tính tại thời điểm tháng 11,12/2026)	≥ 60%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
10	- Các tổ dân phố hình thành cộng đồng trên iHanoi.	100%	Văn phòng HDN&UBND	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	

11	- Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (Nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt	> 70%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
12	- Tối thiểu 50% tổ dân phố/khu dân cư triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	
13	- 100% hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường	

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ 2026

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, kết quả thu được	Ghi chú
1	Mô hình: Gắn mã QR tại các điểm di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp Quốc gia và Thành phố trên địa bàn phường (14 điểm).	Quý 3 năm 2026	Nhân dân đến các điểm di tích lịch sử trên địa bàn phường khi quét mã QR sẽ tìm hiểu được lịch sử của di tích, bao gồm đối tượng thờ tự, lịch sử tu bổ và xây dựng, các sắc phong, di vật, cổ vật....	
2	Mô hình: Số hóa vị trí các nhà văn hóa của các tổ dân phố trên nền tảng bản đồ số Google map (gồm 26 TDP)	Tháng 5,6 năm 2026	Người dân khi vào link và mã QR sẽ biết được vị trí của các nhà văn hóa cần đến, biết năm xây dựng nhà văn hóa, Ban chủ nhiệm quản lý nhà văn hóa....	
3	Mô hình: Xây dựng điểm họp trực tuyến tại nhà văn hóa ở 7 Tổ dân phố: 1. Điểm TDP Chợ: gồm TDP Chợ, Tháp, Giao Quang, An Thái. 2. Điểm TDP Ngang: gồm TDP Ngang, TDP số 1 Đình, số 2 Đình. 3. Điểm TDP Phú Thứ: gồm TDP Phú Thứ, Phú Hà, Phương. 4. Điểm TDP Hạnh: gồm TDP Hạnh, TDP Tó. 5. Điểm TDP Độc: gồm TDP Độc, Lò, Dưới. 6. Điểm TDP số 8: gồm TDP số 7, 8, 9, 10, 12 7. Điểm TDP 11: gồm TDP số 11, 13, 14, 15, 16, 17	Tháng 5,6 năm 2026	+ Rút ngắn thời gian và khoảng cách đi lại của cán bộ và người dân. + Giảm bớt các cuộc họp trực tiếp của phường triển khai tới các TDP. + Nâng cao hiệu quả chuyển đổi số, đổi mới trong công tác hội họp ở địa phương.	